

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 20/7/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Thị C, sinh năm 1988;

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Đình T, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm G, thôn Q, xã S, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

(Chị Hà Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chi Hà Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Đình T tháng 10 năm 2006, trước khi cưới có được tìm hiểu, thỏa thuận, trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, cưới xong vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nay có hai con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên hay bất đồng quan điểm sống cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế, cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bản thân vợ chồng chị cũng như gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Do không dàn xếp được mâu thuẫn nên chị đã bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ sinh sống từ khoảng tháng 10 năm 2019 (sau khi mẹ chồng mất). Vợ chồng chị đi làm

ăn và sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng kể từ đó đến nay. Kể từ khi ly thân vợ chồng chị cũng đã hàn gắn tình cảm nhưng không thể có được tiếng nói chung.

Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Đình T. Việc anh T đề nghị về đoàn tụ chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị chứ hoàn toàn không vì mục đích hôn nhân.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 01/8/2007 và Đoàn Lâm Gia B, sinh ngày 29/8/2009, nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con muốn sống cùng anh T chị đồng ý hoặc các con muốn sống cùng chị, chị đồng ý.

- Về cấp dưỡng nuôi con chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ: Giữa chị và anh Đoàn Đình T không có vướng mắc gì nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị C không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại biên bản ghi lời khai tại Tòa án bị đơn anh Đoàn Đình T trình bày: Anh kết hôn với chị Hà Thị C ngày ngày 20/10/2006 trên tinh thần tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn ở tại UBND xã S, huyện Yên Dũng, cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay, vợ chồng sống hòa thuận và có hai con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống từ khi kết hôn, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng chị C nhiều lần bỏ nhà đi, đi đâu anh không biết, đi cả năm không về, sau đó anh lại đi tìm về đoàn tụ. Đến tháng 10/2019 chị C tự bỏ nhà đi luôn, không nói gì với anh, đi một mình không mang theo con, chị C đi đâu anh không biết, chặn hết mọi liên lạc với anh và các con, từ khi đi chị C không liên lạc gì về gia đình, không quan tâm gì đến các con, anh không có thông tin gì về chị C. Cuối năm 2021 anh có xin được số điện thoại của chị C, anh có gọi điện động viên chị C về chung sống cùng anh để các con đỡ khổ nhưng chị C kiên quyết không về.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn thương vợ, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con. chị C xin ly hôn anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Đoàn Lâm Gia B, sinh ngày 29/8/2009, hiện nay hai con đang sống cùng anh, các con vẫn phát triển bình thường. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ: Vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không trình bày gì thêm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị C được ly hôn anh Đoàn Đình T.

Về con chung: Giao cho Đoàn Đình T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Đoàn Lâm Gia B, sinh ngày 29/8/2009.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Đình T không đến Tòa án làm việc mặc dù Tòa án đã liệt lạc, giao, niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh T, sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử anh T mới đến Tòa án trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không ý do, chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị C và anh Đoàn Đình T kết hôn năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Do chị Hà Thị C xác

định không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên đã bỏ đi từ tháng 10/2019 cho đến nay. phía anh Đoàn Đình T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng vẫn chung sống hoà thuận, vì vậy anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ về đoàn tụ và anh T không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, phía chị C xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, do vậy chị không còn một chút tình cảm vợ chồng với anh T. Bản thân anh T cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng, do vậy anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị C quay về sống đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành báo hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng phía anh T không đến. Quá trình làm việc anh T cũng không đưa ra được phương pháp nào khác để tháo gỡ mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng ngoài lời đề nghị chị C về đoàn tụ và đề nghị Toà án hoà giải nhưng anh T không đến Toà án để tiến hành hoà giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Hà Thị C và anh Đoàn Đình T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị C được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị C và anh T xác nhận vợ chồng có hai con là Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Đoàn Lâm Gia B, sinh ngày 29/8/2009, kể từ khi ly thân các cháu vẫn sống cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án, chị C tôn trọng quyết định của các con, anh T đề nghị được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con thì anh, chị đều có điều kiện như nhau. Tuy nhiên cháu Ngọc và cháu Bảo cùng có nguyện vọng sống cùng anh T, chị C tôn trọng nguyện vọng của các con nếu muốn sống cùng anh T chị đồng ý. Do vậy tránh sự sáo trộn không cần thiết và phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như của chị C, anh T nên tiếp tục giao cho anh T nuôi dưỡng các cháu là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị C và anh Đoàn Đình T không đặt thành yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị C được ly hôn anh Đoàn Đình T.
- Về con chung: Giao cho anh Đoàn Đình T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 01/8/2007 và cháu Đoàn Lâm Gia B, sinh ngày 29/8/2009.
- Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ: Không giải quyết.
- Về án phí: Chị Hà Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009398 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị C đã nộp đủ án phí.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã S, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

